

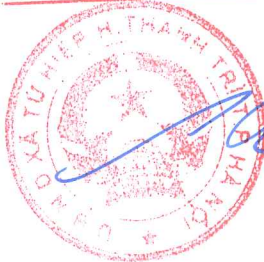
## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Ngày: **27-09-2019**  
Số chứng thực: **6835** Quyển số: **09**...SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Trung Kiên*



# CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32

# CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hùng

Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>96.378.724.563</b>	<b>98.467.737.510</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.761.333.527	15.898.563.274
111	1. Tiền		11.761.333.527	12.898.563.274
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.065.373.985	28.118.970.791
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.911.329.346	19.619.388.397
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.707.618	7.947.550.495
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.423.451.560	848.094.363
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(281.114.539)	(296.062.464)
140	IV. Hàng tồn kho	8	53.126.810.786	53.839.298.279
141	1. Hàng tồn kho		53.126.810.786	53.839.298.279
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.425.206.265	610.905.166
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	209.545.246	127.988.581
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		809.281.218	84.547.684
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	406.379.801	398.368.901
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>51.598.138.379</b>	<b>45.939.906.881</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000	20.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	20.000.000	20.000.000
220	II. Tài sản cố định		23.799.124.663	16.706.352.579
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	23.795.791.326	16.689.685.910
222	- Nguyên giá		70.618.753.172	58.498.359.904
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.822.961.846)	(41.808.673.994)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.333.337	16.666.669
228	- Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.666.663)	(23.333.331)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.047.560.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.047.560.500
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.000.014.246	27.000.014.246
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		27.000.000.000	27.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.246	14.246
260	VI. Tài sản dài hạn khác		778.999.470	1.165.979.556
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	778.999.470	1.165.979.556
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>147.976.862.942</b>	<b>144.407.644.391</b>

Số: 270319.001/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>44.662.874.759</b>	<b>40.851.985.362</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>44.662.874.759</b>	<b>40.851.985.362</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.758.029.867	6.732.474.477
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	279.914.552	103.332.031
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.280.494.778	1.566.854.691
314	4. Phải trả người lao động		5.639.148.690	6.156.579.481
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.469.734.636	2.168.918.784
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	277.359.506	222.458.608
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	28.442.463.980	23.320.398.540
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		515.728.750	580.968.750
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>103.313.988.183</b>	<b>103.555.659.029</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>103.313.988.183</b>	<b>103.555.659.029</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.838.843.012	3.338.843.012
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.919.981.453	26.661.652.299
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		7.526.874.799	5.921.739.361
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		18.393.106.654	20.739.912.938
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>147.976.862.942</b>	<b>144.407.644.391</b>

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thanh Hùng  
Phó Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	362.026.362.958	350.215.291.915
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	12.837.566.465	13.257.559.293
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		349.188.796.493	336.957.732.622
11	4. Giá vốn hàng bán	22	289.351.017.830	277.868.002.158
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.837.778.663	59.089.730.464
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	669.636.647	899.635.530
22	7. Chi phí tài chính	24	5.480.464.310	3.254.937.363
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		890.414.355	454.435.284
25	8. Chi phí bán hàng	25	17.579.577.994	15.599.554.794
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.398.951.491	15.258.537.950
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.048.421.515	25.876.335.887
31	11. Thu nhập khác		-	134.007.698
32	12. Chi phí khác		82	14.539.521
40	13. Lợi nhuận khác		(82)	119.468.177
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.048.421.433	25.995.804.064
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	4.655.314.779	5.255.891.126
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.393.106.654	20.739.912.938
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.536	2.859

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thanh Hùng  
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		360.803.538.367	363.729.495.783
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(286.265.330.222)	(287.647.686.345)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.047.019.276)	(38.850.280.337)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(865.575.569)	(454.435.284)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.755.891.126)	(4.992.418.675)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		858.875.358	2.187.294.782
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.413.424.215)	(12.723.551.735)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>20.315.173.317</i>	<i>21.248.418.189</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.579.393.929)	(2.316.770.488)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	70.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		96.567.135	162.273.983
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(11.482.826.794)</i>	<i>(2.084.496.505)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		103.934.162.670	77.130.220.770
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(98.812.097.230)	(73.735.166.540)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.105.087.150)	(10.671.380.550)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(12.983.021.710)</i>	<i>(7.276.326.320)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(4.150.675.187)</i>	<i>11.887.595.364</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>		<i>15.898.563.274</i>	<i>4.010.390.217</i>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		<i>13.445.440</i>	<i>577.693</i>
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	3	<i>11.761.333.527</i>	<i>15.898.563.274</i>

*Nguyễn Thị Thùy Dương*

*Nguyễn Thị Thùy Dương*



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thanh Hùng  
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2018***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 72.539.110.000 đồng; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc sau:  
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ  
Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính  
Kinh doanh pin các loại

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Khoản đầu tư vào công ty liên doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

**2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	916.657.992	195.822.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.844.675.535	12.702.740.841
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	<u>11.761.333.527</u>	<u>15.898.563.274</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh</b>				
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	14.246	-	14.246	-
	14.246	-	14.246	-
	<b>27.000.014.246</b>	-	<b>27.000.014.246</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
GPI International Limited	8.941.287.013	-	11.495.822.794	-
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	2.944.953.340	-	-	-
Hộ kinh doanh Đỗ Thị Cúc	1.646.332.062	-	1.195.499.880	-
Phải thu khách hàng khác	14.378.756.931	(281.114.539)	6.928.065.723	(296.062.464)
	<u>27.911.329.346</u>	<u>(281.114.539)</u>	<u>19.619.388.397</u>	<u>(296.062.464)</u>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<u>12.506.604.599</u>	-	<u>11.521.917.142</u>	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>				

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	12.226.883	-	32.284.177	-
Phải thu nhân viên tiền bảo hiểm	181.587.269	-	123.681.474	-
Tạm ứng	596.573.207	-	533.510.211	-
Ký cược, ký quỹ	1.533.000.000	-	50.000.082	-
Phải thu khác	100.064.201	-	108.618.419	-
	<u>2.423.451.560</u>	-	<u>848.094.363</u>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	<u>20.000.000</u>	-	<u>20.000.000</u>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	309.481.932	28.367.393	324.429.857	28.367.393
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu Thị BigC Thăng Long	45.608.502	-	45.608.502	-
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng	40.057.552	-	40.057.552	-
- Các khoản khác	223.815.878	28.367.393	238.763.803	28.367.393
	<b>309.481.932</b>	<b>28.367.393</b>	<b>324.429.857</b>	<b>28.367.393</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.259.894.497	-	44.182.685.362	-
Công cụ, dụng cụ	162.528.832	-	105.939.592	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.350.206.440	-	2.365.439.866	-
Thành phẩm	4.179.952.140	-	6.755.653.351	-
Hàng hoá	104.325.583	-	376.155.283	-
Hàng gửi đi bán	69.903.294	-	53.424.825	-
	<b>53.126.810.786</b>	<b>-</b>	<b>53.839.298.279</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	12.157.081.167	40.089.202.397	6.032.126.088	219.950.252	58.498.359.904					
- Mua trong năm	-	12.625.552.540	-	-	12.625.552.540					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(435.209.272)	-	-	(435.209.272)					
- Giảm khác theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(69.950.000)	-	-	-	(69.950.000)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.087.131.167</b>	<b>52.279.545.665</b>	<b>6.032.126.088</b>	<b>219.950.252</b>	<b>70.618.753.172</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	12.084.272.657	25.875.562.809	3.684.296.361	164.542.167	41.808.673.994					
- Khấu hao trong năm	72.808.510	4.888.476.638	536.934.576	21.227.400	5.519.447.124					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(435.209.272)	-	-	(435.209.272)					
- Giảm khác theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(69.950.000)	-	-	-	(69.950.000)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.087.131.167</b>	<b>30.328.830.175</b>	<b>4.221.230.937</b>	<b>185.769.567</b>	<b>46.822.961.846</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	72.808.510	14.213.639.588	2.347.829.727	55.408.085	16.689.685.910					
Tại ngày cuối năm	-	<b>21.950.715.490</b>	<b>1.810.895.151</b>	<b>34.180.685</b>	<b>23.795.791.326</b>					

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.138.924.177 đồng.

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán có nguyên giá là 40.000.000 đồng và khấu hao lũy kế là 36.666.663 đồng, trong đó khấu hao phát sinh trong năm 2018 là 13.333.332 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	195.029.640	112.033.583
Chi phí mua bảo hiểm	14.515.606	15.954.998
	<b>209.545.246</b>	<b>127.988.581</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	150.588.293	223.205.852
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	447.508.744	646.966.799
Chi phí trả trước dài hạn khác	180.902.433	295.806.905
	<b>778.999.470</b>	<b>1.165.979.556</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây Trung Quốc	2.196.222.600	2.196.222.600	3.629.304.000	3.629.304.000
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.793.504.413	1.793.504.413	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.768.302.854	1.768.302.854	3.103.170.477	3.103.170.477
	<b>5.758.029.867</b>	<b>5.758.029.867</b>	<b>6.732.474.477</b>	<b>6.732.474.477</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>1.793.504.413</b>	<b>1.793.504.413</b>	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Phước Lợi	264.123.744	-
Các đối tượng khác	15.790.808	103.332.031
	<b>279.914.552</b>	<b>103.332.031</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	79.083.487	50.494.406
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.378.535
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.131.300	8.440.950
- Quỹ xã hội	60.593.350	60.593.350
- Phải trả phụ cấp HĐQT không tham gia điều hành	60.000.000	63.240.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.551.369	4.311.367
	<b>277.359.506</b>	<b>222.458.608</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		339.028.960		7.116.504.275		7.455.533.235		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901		-		162.356.098		162.356.098		398.368.901		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.175.891.126		4.655.314.779		4.755.891.126		-		1.075.314.779	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		38.618.576		762.657.313		715.155.544		-		86.120.345	
Thuế Tài nguyên	-		2.572.800		34.654.850		34.506.250		-		2.721.400	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.137.944.100		3.137.944.100		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		11.010.900		8.010.900		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		10.743.229		172.987.030		67.392.005		-		116.338.254	
	<b>398.368.901</b>		<b>1.566.854.691</b>		<b>16.045.418.445</b>		<b>16.339.789.258</b>		<b>406.379.801</b>		<b>1.280.494.778</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	24.838.786	-
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	2.272.934.232	1.973.154.384
- Chi phí phải trả khác	171.961.618	195.764.400
	<b>2.469.734.636</b>	<b>2.168.918.784</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam <sup>(1)</sup>	23.320.398.540	23.320.398.540	103.744.162.670	98.799.097.230	28.265.463.980	28.265.463.980
- Nguyễn Huy Vũ <sup>(2)</sup>	-	-	190.000.000	13.000.000	177.000.000	177.000.000
	<b>23.320.398.540</b>	<b>23.320.398.540</b>	<b>103.934.162.670</b>	<b>98.812.097.230</b>	<b>28.442.463.980</b>	<b>28.442.463.980</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201800209 ngày 27/07/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.214.674 USD tương đương 28.265.463.980 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho nợ vay tại Eximbank, trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn, lãi trên số tiền lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các phí khác phát sinh cho Eximbank.

(2) Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2018 giữa ông Nguyễn Huy Vũ và Công ty Cổ phần Pin Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng vay;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	51.814.430.000	21.740.733.718	21.740.733.718	2.838.843.012	14.843.509.586	91.237.516.316			
Tăng vốn trong năm trước	20.724.680.000	(20.724.680.000)							
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.739.912.938	20.739.912.938			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	(8.772.164.500)	(8.272.164.500)			
Điều chỉnh theo Quyết định Thanh tra thuế	-	-	-	-	(149.605.725)	(149.605.725)			
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>3.338.843.012</b>	<b>26.661.652.299</b>	<b>103.555.659.029</b>			
Số dư đầu năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	3.338.843.012	26.661.652.299	103.555.659.029			
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	18.393.106.654	18.393.106.654			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	(19.134.777.500)	(18.634.777.500)			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>3.838.843.012</b>	<b>25.919.981.453</b>	<b>103.313.988.183</b>			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHCD ngày 03 tháng 05 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm các năm trước chưa phân phối như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	%	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2016 và lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017	100,00%		26.661.652.299	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1,88%		500.000.000	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,88%		500.000.000	
Chi trả cổ tức (bằng 25% vốn điều lệ)	68,02%		18.134.777.500	
Lợi nhuận chưa phân phối	28,23%		7.526.874.799	



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
GP Batteris Internationnal Limited	30,00%	21.763.330.000	30,00%	21.763.330.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	21,00%	15.234.330.000	21,00%	15.234.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	43,98%	31.897.950.000	43,98%	31.897.950.000
	<b>100%</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>100%</b>	<b>72.539.110.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	72.539.110.000	51.814.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	20.724.680.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	<u>72.539.110.000</u>	<u>72.539.110.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	8.440.950	2.907.657.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	18.134.777.500	7.772.164.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.134.777.500	7.772.164.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(18.105.087.150)	(10.671.380.550)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(18.105.087.150)</u>	<u>(10.671.380.550)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>38.131.300</u>	<u>8.440.950</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	7.253.911
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.838.843.012	3.338.843.012
	<u>3.838.843.012</u>	<u>3.338.843.012</u>

## 19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Lô 4490,4 m2 tại số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m2	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Lô 34.655 m2 tại số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m2	50 năm

## b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
Đồng đô la Mỹ (USD)	256.139,10	95.243,20

## 20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	351.509.341.062	340.578.455.268
Doanh thu bán hàng hóa	513.204.046	586.819.987
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	5.453.249.830	4.499.966.114
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.550.568.020	4.550.050.546
	<b>362.026.362.958</b>	<b>350.215.291.915</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<b>89.994.387.601</b>	<b>87.954.827.937</b>

## 21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.587.986.762	5.983.960.721
Hàng bán bị trả lại	4.352.876	-
Giảm giá hàng bán	8.245.226.827	7.273.598.572
	<b>12.837.566.465</b>	<b>13.257.559.293</b>

## 22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	283.306.074.570	272.595.483.190
Giá vốn của hàng hóa đã bán	364.118.376	375.615.789
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	4.835.063.084	3.958.024.179
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	845.761.800	938.879.000
	<b>289.351.017.830</b>	<b>277.868.002.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	96.567.135	162.273.983
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12.075.893	225.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	507.544.601	737.136.547
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	53.449.018	-
	<b>669.636.647</b>	<b>899.635.530</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	890.414.355	454.435.284
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.718.805.063	2.113.728.707
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	871.244.892	670.992.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	15.781.196
	<b>5.480.464.310</b>	<b>3.254.937.363</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.583.004.380	1.499.141.687
Chi phí nhân công	5.322.575.465	5.513.817.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.950.863	452.922.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.414.793.989	2.304.384.938
Chi phí khác bằng tiền	6.875.253.297	5.829.287.318
	<b>17.579.577.994</b>	<b>15.599.554.794</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	373.533.747	499.840.044
Chi phí nhân công	7.457.604.526	7.888.712.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.125.555	289.558.138
Thuế, phí, lệ phí	3.140.944.100	3.155.157.396
Hoàn nhập dự phòng	(14.947.925)	(12.048.293)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.021.545.416	1.020.969.820
Chi phí khác bằng tiền	2.181.146.072	2.416.348.813
	<b>14.398.951.491</b>	<b>15.258.537.950</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.048.421.433	25.995.804.064
Các khoản điều chỉnh tăng	228.152.464	283.651.569
- Chi phí không hợp lệ	228.152.464	280.930.050
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	2.721.519
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.276.573.897	26.279.455.633
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>4.655.314.779</b>	<b>5.255.891.126</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.175.891.126	777.293.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.755.891.126)	(4.992.418.675)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.075.314.779</b>	<b>1.175.891.126</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.393.106.654	20.739.912.938
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.393.106.654	20.739.912.938
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.253.911	7.253.911
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.536</b>	<b>2.859</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	246.641.306.755	231.915.627.418
Chi phí nhân công	34.156.716.649	39.111.076.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.532.780.456	5.400.204.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.315.014.446	11.797.244.287
Chi phí khác bằng tiền	14.062.799.037	13.980.907.087
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>313.708.617.343</b>	<b>302.205.060.518</b>

**3) . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	11.761.333.527	-	15.898.563.274	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.354.780.906	(281.114.539)	20.487.482.760	(296.062.464)
	<u>42.116.114.433</u>	<u>(281.114.539)</u>	<u>36.386.046.034</u>	<u>(296.062.464)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			28.442.463.980	23.320.398.540
Phải trả người bán, phải trả khác			6.035.389.373	6.954.933.085
Chi phí phải trả			2.469.734.636	2.168.918.784
			<u>36.947.587.989</u>	<u>32.444.250.409</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	11.761.333.527	-	-	11.761.333.527
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.053.666.367	20.000.000	-	30.073.666.367
	<u>41.814.999.894</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>41.834.999.894</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	15.898.563.274	-	-	15.898.563.274
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.171.420.296	20.000.000	-	20.191.420.296
	<u>36.069.983.570</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>36.089.983.570</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	28.442.463.980	-	-	28.442.463.980
Phải trả người bán, phải trả khác	6.035.389.373	-	-	6.035.389.373
Chi phí phải trả	2.469.734.636	-	-	2.469.734.636
	<u>36.947.587.989</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>36.947.587.989</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	23.320.398.540	-	-	23.320.398.540
Phải trả người bán, phải trả khác	6.954.933.085	-	-	6.954.933.085
Chi phí phải trả	2.168.918.784	-	-	2.168.918.784
	<u>32.444.250.409</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.444.250.409</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.904.871.079	2.387.488.740
<i>Trong đó: Thu nhập của Giám đốc</i>	<i>258.773.671</i>	<i>400.380.915</i>

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

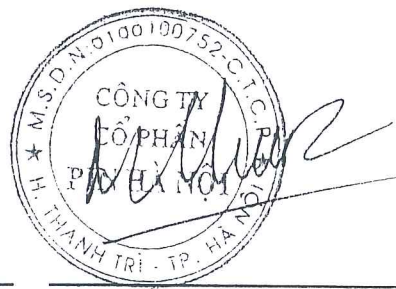
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Thị Thùy Dương**  
Người lập



**Nguyễn Thị Thùy Dương**  
Phụ trách kế toán



**Nguyễn Thanh Hùng**  
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

